

Bản án số: 49/2026/DS-ST
Ngày: 03-3-2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Còn;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Bảo Việt là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị D, sinh năm 1968. Địa chỉ: khu phố LT, phường AT, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị V, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố LP, phường AT, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Hà Thị D trình bày: Do chỗ quen biết nên bà có cho bà V vay tiền nhiều lần, mục đích vay tiền là mượn dùm cho chị em của bà V, đáo hạn Ngân hàng. Đến ngày 10/8/2023, hai bên có viết giấy mượn tiền chốt lại số nợ 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 20.000.000 đồng/tháng. Sau khi chốt nợ, bà V không có đóng tiền lãi cho bà nên ngày 10/02/2025, hai bên có làm giấy nợ gốc là 1.000.000.000 đồng của giấy nợ ngày 10/8/2023 sang qua; tiền lãi suất 200.000.000 đồng và tiền nợ hui 200.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ bà V không có trả nợ hàng tháng 10.000.000 đồng như thỏa thuận. Bà có liên hệ nhiều lần yêu cầu bà V trả nợ thì bà V chỉ hứa khi nào bán được đất sẽ trả cho

bà. Trước đây tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà V trả bà gốc 1.400.000.000 đồng và lãi số tiền 140.280.000 đồng.

Nay bà thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu bà V trả gốc 1.000.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 10/8/2023 và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 10/8/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn – bà Hà Thị V trình bày: Vào năm 2017, bà vay tiền nhiều lần của bà D mỗi lần vay khoảng vài chục triệu đồng, lãi suất là 15%/tháng. Bà có đóng lãi cho bà D từ năm 2017 với lãi suất 09%/tháng, 12%/tháng và 15%/tháng đến 10/08/2023, hai bên có làm giấy mượn tiền với số nợ gốc và lãi là 1.000.000.000 đồng (trong đó, nợ gốc ban đầu là số tiền 250.000.000 đồng, còn lại là số tiền lãi của mức lãi suất 09%/tháng, 12%/tháng và 15%/tháng, do bà không có tiền đóng lãi cho bà D nên chuyển thành tiền gốc), thỏa thuận lãi suất 02%/tháng. Bà tiếp tục trả tiền lãi suất cho bà D tuy nhiên do không có tiền đóng lãi đầy đủ nên vào ngày 10/02/2025 (A1) giữa bà và bà D tiếp tục viết giấy nợ với số tiền là 1.400.000.000 đồng (trong đó, nợ 01 tỷ đồng của giấy mượn tiền ngày 10/8/2023, nợ hui khoảng 35.000.000 đồng, còn lại 365.000.000 đồng là tiền lãi suất). Bà tiếp tục trả lãi suất cho bà D trên số nợ 1.400.000.000 đồng mức lãi suất 02%/tháng đến tháng 4/2025 thì ngưng cho đến nay. Do chỗ quen biết nên có lần làm giấy có lần không nhưng giấy nợ do bà D giữ nên bà không có giữ giấy tờ gì cả. Mục đích vay dùm tiền cho bà Hà Thị N, Hà Thị N1 (là chị ruột của bà). Do bà N và bà N1 không có tiền trả nên bà không có tiền trả cho bà D. Các lần trả tiền lãi cho bà D không có giấy tờ gì cả. Bà đồng ý trả cho bà D số tiền chốt lãi và gốc là 1.000.000.000 đồng và không đồng ý trả số tiền lãi suất 400.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu xin lại số tiền 200.000.000 đồng trong nợ gốc 1.000.000.000 đồng vì bà đã trả cho bà D rất nhiều tiền lãi. Ngoài ra, bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Việc bà mượn tiền dùm cho bà N và bà N1 chỉ có số tiền 250.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án xác minh bà bà N, bà N1 là những người bà mượn tiền dùm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội D vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D đối với bà Hà Thị V về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Hà Thị V trả lại số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đúng theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D đối với bà Hà Thị V về yêu cầu bà V trả tiền lãi suất 200.000.000 đồng và tiền nợ hui 200.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại địa chỉ: khu phố LP, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố LP, phường AT, tỉnh Tây Ninh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Trước đây tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu bà V trả bà gốc 1.400.000.000 đồng và lãi số tiền 140.280.000 đồng.

Nay bà thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu bà V trả gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 10/8/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà D không vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu, hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền 400.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D thấy rằng: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 10/8/2023, 10/02/2025 do bà D cung cấp, phía bị đơn thừa nhận do bị đơn tự viết và có ký tên vào giấy nợ do nguyên đơn cung cấp nhưng chỉ thừa nhận nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng của giấy nợ ngày 10/8/2023. Bà D không thừa nhận lời trình bày của bà V. Ngoài ra, bà V cho rằng có trả tiền lãi cho bà D với mức lãi suất 15%/tháng, 12%/tháng và 09%/tháng từ năm 2017 nên chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 800.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà V thấy rằng, bà cho rằng có trả lãi cho bà D với mức lãi suất nêu trên nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà nên không có cơ sở xem xét. Mặt khác, bà thừa nhận vào ngày 10/8/2023, bà tự tay viết giấy nợ xác nhận có nợ bà D số tiền 1.000.000.000 đồng nên nay bà D yêu cầu bà trả số tiền gốc 1.000.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy rằng: Theo giấy nợ ngày 10/8/2023, hai bên thỏa thuận lãi suất 20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 02%/tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật. Nay bà D yêu cầu bà V trả lãi suất 20%/năm và bắt đầu tính lãi từ ngày 10/8/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Bà V cho rằng có trả lãi cho bà D nhưng không nhớ trả bao nhiêu tiền tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của bà V sau khi chốt giấy nợ ngày 10/8/2023, do bà không có trả tiền lãi cho bà D nên vào ngày 10/02/2025, bà mới viết giấy nợ khác trong đó xác định gốc 1.000.000.000 đồng, tiền hui 35.000.000 đồng, tiền lãi suất 365.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định sau khi viết giấy nợ ngày 10/8/2023, bà V không có trả tiền lãi cho bà D. Nay bà D yêu cầu bà V trả lãi suất 20%/năm và bắt đầu tính lãi từ ngày 10/8/2023 đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận. vậy thời gian bắt đầu tính là từ

ngày 10/08/2023 đến ngày 03/3/2026 là 02 năm 06 tháng 21 ngày x 20%/năm = 511.667.000 đồng.

Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, số tiền gốc và lãi suất mà bà V có nghĩa vụ trả cho bà D là 1.000.000.000 đồng + 511.667.000 đồng = 1.511.667.000 đồng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như: 36.000.000 đồng + (711.667.000 đồng x 3%) = 57.350.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Hà Thị V.

Buộc bà Hà Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị D số tiền gốc và tiền lãi 1.511.667.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị D đối với số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

bà Hà Thị V phải chịu 57.350.000 (Năm mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Bà Hà Thị D tiền tạm ứng án phí 29.104.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005228 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Tây Ninh).

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm